TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 245 /2022/ HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 8 -2022
"V/v L hôn giữa chị L và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Xin L hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Chúc L**, sinh năm 2000.
Địa chỉ: số 284, tổ 7, ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Lê Khắc T**, sinh năm 1999.
Địa chỉ: tổ 6, ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Chúc L trình bày: Do quen biết chị và anh T tiến đến hôn nhân năm 2019, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và L thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường hay cãi nhau nên mất hạnh phúc.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Phạm Anh K sinh ngày 25/6/2019, hiện con chung đang sống cùng chị.

Tài sản chung không tranh chấp. Nợ chung: Không có.

Chị L xin được L hôn với anh T. Con chung chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Lê Khắc T tại tờ tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về quá trình tiến đến hôn nhân, chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh đồng ý L hôn chị L. Con chung anh yêu cầu nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị L khởi kiện yêu cầu L hôn anh T, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp L hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị L và anh T tiến đến hôn nhân năm 2019 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, đăng ký kết hôn cùng năm. Tuy nhiên, anh chị chung sống hạnh phúc 01 thời gian ngắn đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẩn và L thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi nhau. Tại phiên tòa, chị L và anh T thống nhất L hôn nhau. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị L được L hôn với anh T là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Phạm Anh K sinh ngày 25/6/2019, hiện con chung đang sống cùng chị L, cả 02 người cùng yêu cầu nuôi cháu K. Xét thấy, cháu K được chị L nuôi dưỡng từ lúc L thân đến nay, cháu vẫn phát triển bình thường, được chị L cho đi học, chị L cũng có việc làm và thu nhập ổn định. Đối với anh T cũng đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập cũng khá cao. Tuy nhiên, anh trình bày nếu được nuôi con thì anh không trực tiếp nuôi mà giao cho ông bà nội ở dưới quê chăm sóc nên không đảm bảo việc trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung Hội đồng xét xử tiếp tục giao Lê Phạm Anh K cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu L hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện xin L hôn của chị Phạm Thị Chúc L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Chúc L được L hôn với anh Lê Khắc T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung chưa thành niên tên Lê Phạm Anh K sinh ngày 25/6/2019 cho chị Phạm Thị Chúc L tiếp tục nuôi dưỡng

2.2. Cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Khắc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Chúc L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009793 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH